

Số: 1531/TB-HV

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ
đợt 2 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 53/2026/TT-BGDĐT ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Sai đại học;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Thông báo số 1414/TB-HV ngày 18/08/2026 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc Thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2026 như sau:

1. Mục III “CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH” được sửa đổi bổ sung như sau:

III. CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, MÔN XÉT TUYỂN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu		Môn xét tuyển (*)	
		BVH	BVS		
Kỹ thuật viễn thông	8520208	20	20	Môn Cơ sở ngành (Lựa chọn 01 môn trong các môn tương ứng với ngành đăng ký)	Môn Chuyên ngành (Lựa chọn 01 môn trong các môn tương ứng với ngành đăng ký)
Kỹ thuật điện tử	8520203	15	10		
Công nghệ thông tin định hướng Trí tuệ nhân tạo	8480201	80			
Hệ thống thông tin	8480104	20	15		
An toàn thông tin	8480202	30			
Quản trị kinh doanh	8340101	35	20		
Quản trị kinh doanh định hướng Công nghệ tài chính	8340101	30			
Truyền thông đại chúng	8320105	50			
Marketing	8340115	50			
Quản lý Khoa học và Công nghệ	8340412	20			

2. Bổ sung tại Phụ lục I môn xét tuyển của ngành Công nghệ thông tin định hướng Trí tuệ nhân tạo và ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ như sau:

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Danh mục các môn xét tuyển			
		Môn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	Tín chỉ	Môn Chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	Tín chỉ
8.	Công nghệ thông tin định hướng Trí tuệ nhân tạo	1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	1. Cơ sở dữ liệu	3
		2. Toán rời rạc	3	2. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
		3. Ngôn ngữ lập trình C++	3	3. Công nghệ phần mềm	3

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Danh mục các môn xét tuyển			
		Môn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	Tín chỉ	Môn Chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	Tín chỉ
9.	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Kinh tế vĩ mô	3	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3
		Quản trị học	3	Quản trị đa văn hoá	2
		Quản trị dự án	3	Khởi sự kinh doanh	3

3. Bổ sung tại Phụ lục II môn học bổ sung kiến thức của ngành Công nghệ thông tin định hướng Trí tuệ nhân tạo và ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ (Chi tiết kèm theo).

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xin trân trọng thông báo! *KT. Minh*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Tập thể LĐHV (để b/c);
- Các Phòng, Ban, TT chức năng của HV;
- Các Khoa đào tạo;
- Các cơ quan báo chí;
- Bộ phận Quản trị website;
- Lưu VT, HĐTS (3).



GS.TS. Từ Minh Phương

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GÁN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần và các môn học Bổ sung kiến thức			Ghi chú	
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết		
Công nghệ thông tin Mã ngành: 8480104		Công nghệ thông tin	- Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Truyền thông và mạng máy tính; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc Khoa học máy tính</i>) của Học viện <i>dưới</i> 10% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1:	Nhóm 1:			
				- Toán ứng dụng;	1. Cơ sở dữ liệu	45		
				- Sư phạm tin học;	2. Hệ điều hành	45		
				- Tin học quản lý;	3. Mạng máy tính	45		
				- Cơ tin;	4. Nhập môn công nghệ phần mềm	45		
				- Toán - Thống kê - Tin học;				
				- Toán tin.				
				- Hệ thống thông tin kinh tế				
				Nhóm 2:	Nhóm 2:			
				- Kỹ thuật điện tử, truyền thông;	Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 2 môn sau:			
				- Kỹ thuật điện tử viễn thông;				
				- Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông;	1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	45		
				- Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông;	2. Kiến trúc máy tính	45		
				- Kỹ thuật máy tính;				
				- Công nghệ kỹ thuật máy tính;				
				- Điện tử tin học;				
				- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa;				
				- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa				
				- Kỹ thuật điện, điện tử;				
				- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử;				
				- Kỹ thuật điện tử.				
				- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện từ 10-40% tín chỉ của khối kiến thức ngành				



Ngành đào tạo	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần/khác và các học phần bổ sung kiến thức			Ghi chú	
		Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết		
Quản lý Khoa học và Công nghệ Mã số ngành: 8340412	- Khoa học Quản lý - Quản trị nhân lực - Quản lý công - Quản lý dự án - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị kinh doanh - Tài chính ngân hàng - Công nghệ tài chính - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh quốc tế - Thương mại điện tử - Kinh doanh số - Các chuyên ngành về Quản trị - Quản lý, Kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.	Nhóm 1 (ngành gần): - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh doanh (Mã 73401) theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.	Nhóm 1:			
			1. Kinh tế vĩ mô	3		
			2. Quản trị học	3		
			3. Quản trị dự án	3		
		Nhóm 2: Học bổ sung 6 học phần, gồm 3 học phần thuộc Nhóm 1 và học thêm 3 học phần sau:				
			1. Quản trị rủi ro và khủng hoảng	3		
				2. Quản trị đa văn hóa	2	
			3. Khởi sự kinh doanh		3	

(*) Học phần sẽ được xem xét miễn học và công nhận kết quả nếu chương trình đào tạo đại học của thí sinh đã có học phần với nội dung tương đương với các học phần nêu trên.